

CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC CỦA TÂY BAN NHA Ở PHILIPPIN (1571-1898)

Đặng Văn Chương & Lê Thị Liên

Khoa Lịch sử - ĐHSPT Huế

Từ khi thiết lập nền cai trị của mình ở Philippin (1571), Tây Ban Nha luôn theo đuổi mục đích xuyên suốt đó là truyền giáo. Mục đích này không thay đổi cho dù có những lúc Tây Ban Nha gặp rất nhiều khó khăn về tài chính trong việc duy trì quyền lực ở thuộc địa Philippin xa xôi. Để góp phần thực hiện việc truyền giáo có hiệu quả, Tây Ban Nha nhanh chóng đưa giáo dục mang tính chất tôn giáo vào Philippin từ rất sớm. Nền giáo dục này đã mang lại những nền tảng cơ bản cho sự phát triển giáo dục Philippin về sau, đạt được những thành tựu nổi bật so với giáo dục các nước khác trong khu vực vào nửa sau thế kỷ XIX. Giáo dục Philippin dưới thuộc địa Tây Ban Nha có thể chia ra hai giai đoạn: Giáo dục do Nhà thờ đảm nhiệm; Giáo dục do Nhà nước đảm nhiệm.

I. Giáo dục do Nhà thờ đảm nhiệm (1571-1863)

Trong hệ thống thuộc địa Tây Ban Nha trên khắp thế giới (từ châu Mỹ cho đến châu Á), giáo dục được thực hiện theo đạo luật về người Da đỏ (Indian Law) (1550). Theo đạo

luật này, tiếng Tây Ban Nha phải được dạy trong các trường học ở các thuộc địa của Tây Ban Nha. Hệ thống giáo dục ở thuộc địa Philippin dưới sự thống trị của Tây Ban Nha từ năm 1571 đến cuộc cải cách giáo dục năm 1863 là do các dòng tu khác nhau¹ trực tiếp quản lý. Dưới thời cai trị của Tello de Guzman (1596-1602), chính quyền Tây Ban Nha mới ra sắc lệnh buộc các giáo sĩ thay thế việc dạy học tiếng địa phương bằng tiếng Tây Ban Nha ở Philippin. Yêu cầu này được chính quyền Tây Ban Nha đề cập đến nhiều lần trong các sắc lệnh tương tự, ban hành trong suốt hai thế kỷ XVII, XVIII đối với việc giáo dục ở thuộc địa Philippin. Đồng thời, vua Tây Ban Nha cũng yêu cầu các cha phó xứ phải thành lập các trường học ở mỗi làng và phải dạy tiếng Tây Ban Nha cho người bản xứ.

Tây Ban Nha sử dụng hệ thống giáo dục châu Âu lúc bấy giờ vào Philippin nhưng trong khuôn khổ của một thuộc địa. Đó là chính sách giáo dục nhằm cải đạo cho người dân Philippin, biến họ thành những con

¹ Augustin; Donunican; Francisco; Jesuit

chiến ngoan đạo, biết vâng lời chính quyền thuộc địa. Ở các xứ đạo, trường học được thành lập và các nhà truyền giáo Tây Ban Nha đồng thời cũng là giáo viên giảng dạy ở đây. Họ dạy trẻ em Philippin với niềm tin rằng “chúng sẽ học chữ cái, ngôn ngữ, phong tục gắn liền với giáo lý Thiên Chúa, những chính sách của Tây Ban Nha và sau đó chúng sẽ phổ biến vào cộng đồng”². Việc dạy học có tính hệ thống từ cấp một đến đại học trong nền giáo dục châu Âu đã hình thành rõ nét vào cuối thời Trung đại thông qua các sắc lệnh tôn giáo, nhưng ở Philippin hệ thống giáo dục sơ cấp chưa được quan tâm đầy đủ. Trong khi đó, các trường đại học, cao đẳng lại được thành lập ngay từ rất sớm:

1. Trường đại học Santo Tomas

Theo sắc lệnh hoàng gia Tây Ban Nha được ban hành bởi vua Philip III (1576-1621), trường đại học Santo Tomas được thành lập năm 1611 bởi Miguel de Buenavides, một giáo sĩ dòng Dominican (Đa minh) và là Tổng giám mục thứ ba ở thủ đô Manila. Trường đại học Santo Tomas đầu tiên có tên gọi là Colegio de Nuestra Senora del Santisimo Rosario, năm 1645 đổi tên thành Santo Tomas. Công việc giảng dạy được giao cho giảng viên của các khoa chịu trách nhiệm với các môn học như: tiếng Latinh, tiếng Hy Lạp, vật lý, hình học, logic, triết học, dân tộc học, luật hình sự, luật Roma và giáo lý Thiên Chúa. Vào khoảng giữa thế kỷ XVIII, nhiều môn học mới được đưa vào giảng dạy như: y

học, được học, công chứng, nha khoa. Tiếng Tây Ban Nha được sử dụng chính thức trong giảng dạy. Khoa Luật được thành lập vào năm 1735. Sinh viên sau khi tốt nghiệp khoa này đã cùng với các linh mục tạo thành một bộ phận rất quan trọng trong xã hội Philippin lúc bấy giờ.

Nhà trường quy định trang phục cho sinh viên, các khoa khác nhau có thiết kế kiểu dáng và màu sắc trang phục khác nhau. Số lượng sinh viên không ngừng tăng lên, theo thống kê từ năm 1645 đến 1734, trường gồm có 12.295 sinh viên khoa Triết học, 2.050 sinh viên khoa Lý luận; từ năm 1734 đến năm 1820, có 12.250 sinh viên Triết học, 2.190 sinh viên Lý luận, 1.680 sinh viên Luật Hình sự và 3.360 sinh viên Luật Dân sự. Trong những năm cuối thế kỷ XIX, số lượng sinh viên theo học trường đại học này tăng lên đáng kể và có ảnh hưởng đối với tầng lớp trí thức người Philippin. Theo tiến sĩ Camilo Osias: “Phong trào trí thức người Philippin trong nhiều thế kỷ đều bắt nguồn từ trường đại học này”³.

2. Trường San Jose và San Juan de Letran

Lâu đời hơn trường đại học Santo Tomas là trường cao đẳng San Jose, được thành lập bởi các cha xứ dòng Jesuistes (dòng Tên) năm 1601. Ban đầu, trường học này chỉ có 30 sinh viên, với các môn học như triết, giáo lý, các môn khoa học nhân văn và trang bị kiến thức cho những người mới đi tu. Ngoài ra, các môn học cổ điển cũng được

² Teodoro. A. Agoncillo (2006), *History of the Filipino People*, Garotech pulistung, Quezon City, tr. 91.

³ Benitez Conrado (1954), *History of the Philippines*, Manila Ginn and Company, Philippines, tr.166.

giảng dạy cho sinh viên. Năm 1768, cùng với việc trục xuất các giáo sĩ dòng Tên ra khỏi Philippin, trường cao đẳng San Jose hợp nhất với trường đại học Santo Tomas. Cho đến những ngày cuối của chế độ cai trị Tây Ban Nha, trường San Jose mới được trả lại cho giáo sĩ dòng Tên theo quyết định của toà án Tây Ban Nha.

Trường San Juan de Letran là trường cấp hai nam sinh đầu tiên, thành lập năm 1620 bởi Don Juan Geronimo Guerrero, người sau này trở thành giáo sĩ dòng Dominican. Nguồn gốc của trường này là một trại mồ côi dành cho các em bé trai người Tây Ban Nha, có tên là *Seminario de Ninos Huerfanos de San Pedro y San Pablo*. Đến năm 1640, trường đổi tên thành San Juan de Letran và được xem là trường trung học lâu đời nhất ở Philippin. Nhà trường thu nhận cả học sinh nội trú và ngoại trú mà không thu học phí. Trường học này được xem như là bước chuẩn bị cho một cấp học cao hơn ở trường đại học Santo Tomas và cao đẳng San Jose. Các môn học được đưa vào giảng dạy ở đây là triết học, địa lý, lịch sử. Bên cạnh đó, các môn khoa học cơ bản cũng được hướng dẫn cho học sinh. Đến năm 1706, trường này được gọi là trường Dòng cho trẻ em nam mồ côi với tên gọi là Saint Peter (thánh Peter) và Saint Paul (thánh Paul). Ngày nay, ở Philippin có hai bia tưởng niệm bằng đồng để tưởng nhớ tầm quan trọng về lịch sử và tôn giáo của trường San Juan Letran⁴.

3. Trường học từ thiện Escuela Manila

Trường học từ thiện Escuela Manila, do những người Tây Ban Nha ở Manila giàu lên từ hoạt động thương mại, thành lập năm 1817. Kinh phí hoạt động của nhà trường lấy từ ngân quỹ đóng góp của những người giàu có trong thành phố. Các môn học được giảng dạy trong nhà trường bao gồm: đọc, viết, số học, giáo lý Thiên Chúa và ngữ pháp tiếng Tây Ban Nha. Học sinh phải trả học phí mỗi tháng 2 peso nếu họ là con nhà giàu; 1 peso nếu là con nhà trung lưu và không phải trả học phí nếu là con nhà nghèo. Năm 1859, chính quyền thành phố Manila đã chuyển giao ngôi trường từ thiện này cho các giáo sĩ dòng Tên - những người vừa lưu vong trở về. Và tên trường đổi thành Ateneo Municipal. Kể từ đây, ngôi trường này được đặt dưới sự quản lý của các giáo sĩ dòng Tên. Ngày nay, nó có tên là Ateneo de Manila - được xem là một trong những ngôi trường tư nhân lâu đời nhất ở Philippin và cũng là trường trung học mà Jose Rizal - người anh hùng Philippin đã từng học.

4. Trường dạy nghề

Việc giáo dục nghề nghiệp cho người Philippin cũng được chính quyền Tây Ban Nha quan tâm. Các giáo sĩ không những có nhiệm vụ cải đạo cho người bản xứ mà còn dạy cho người Philippin phương pháp canh tác tốt hơn với những giống cây mới đem từ bên ngoài vào như: ngô, bông, lúa mì... Ngoài ra, các nghề thủ công như: in, nhuộm, nê và nhuộm cũng được các giáo sĩ truyền dạy cho người Philippin.

⁴ Eufonio, M. Alip (1964). *History of the Philippines*. Manila: Alip and Sons, INC. Philippines, tr. 43.

Theo sắc lệnh thương mại của hoàng gia Tây Ban Nha năm 1820, *trường Hàng hải* được thành lập ở Philippin nhằm huấn luyện cho nam thanh niên làm quen với cuộc sống biển khơi. Không ít sinh viên sau khi tốt nghiệp đã trở thành những thuyền trưởng trong các chuyến thương mại trong và ngoài nước. Tiếp theo, năm 1840, *trường Thương mại* được thành lập với các khoá học như kế toán, ngoại ngữ, tin tức thương mại, đặc biệt ngoại ngữ tiếng Pháp rất được chú trọng. Năm 1849, *trường Nghệ thuật* được thành lập đã tạo nhiều cơ hội cho người Philippin học tập và phát huy khả năng nghệ thuật của mình. Trên thực tế, nhà trường đã đào tạo nhiều hoạ sĩ người Philippin tài năng như Damian, Ocampo, Sariano và Juan Nepomuceno. Họ đã vẽ nhiều bản đồ địa lý chính xác, chạm khắc và trang trí nhà thờ một cách tinh xảo.

Bên cạnh các trường nghề do người Tây Ban Nha thành lập còn có các trường do người Philippin thành lập. Ngày 16/3/1861, Trường Nghệ thuật và Thương mại tư nhân được thành lập bởi hai cha xứ người Philippin là Juan P. Zita và Felino Gil ở Bacolor, Pampanga.

5. Trường học dành cho nữ sinh

Ngay từ thời kỳ đầu Tây Ban Nha thiết lập chế độ thuộc địa ở Philippin, chính quyền thuộc địa đã xây dựng nhiều trường học dành cho nữ sinh. Hai trường học đầu tiên dành cho nữ sinh người Tây Ban Nha ở Philippin là Colegios Santa Potenciana (1591) và Santa Isabel (1594). Đây là hai trường trung

học nữ sinh lâu đời nhất ở quần đảo Philippin, được thành lập với mục đích ban đầu là dành cho trẻ em gái mồ côi người Tây Ban Nha.

Ngoài hai trường trung học nữ sinh nổi trên còn có ngôi trường dành cho con gái tầng lớp trên người Tây Ban Nha (*beatas*) được gọi là *beaterios*. Những cô gái này có cuộc sống tách biệt với thế giới bên ngoài. *Beaterios* bao gồm các trường *Beaterio de la Compani de Jesus* (nay là *Virgin Mary*) (1684), *Santa Catalina de Sena* (1696), *San Sebastian de Calumpang* (nay là trường cao đẳng *Santa Rita*) (1719), *Santa Rita de Pasig* (1740) và *Santa Rosa* (1750). Trong các trường này chỉ có hai trường do phụ nữ người Philippin thành lập dùng để dạy những giá trị văn hoá của Tây Ban Nha dành cho các nữ tu người Philippin, đó là trường *Religious of the Virgin Mary* và *Beaterio de San Sebastian de Calumpany*. Tất cả các ngôi trường này đều nằm ở Manila. Hiện nay các ngôi trường này có ảnh hưởng và giúp đỡ cho một số cơ sở giáo dục của trường dành cho các nữ tu (*Soeur*) ở nhiều nước Đông Nam Á.

Theo yêu cầu của hoàng gia Tây Ban Nha, tất cả các ngôi trường này phải có chỗ ở cho nữ sinh, đồng thời phải có phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm trang bị cho nữ sinh những kiến thức cơ bản về cuộc sống xã hội, cuộc sống gia đình và cách cư xử trong nhà thờ. Từ đó, họ có thể ra ngoài “để lập gia đình và sinh con”, các nữ sinh sau khi ra khỏi trường được xem như đã “hoàn thành

khoa học". Chứng nhận này có giá trị ở Mỹ cũng như ở châu Âu⁵.

II. Giáo dục do Nhà nước đảm nhận (1863-1898)

1. Quá trình thành lập hệ thống giáo dục công lập ở Philippin

Sắc lệnh cải cách hệ thống giáo dục Philippin được chính phủ Tây Ban Nha ban hành ngày 20/12/1863. Tuy nhiên, ý tưởng cải cách giáo dục ở quốc gia này diễn ra ngay từ nửa đầu thế kỷ XIX. Năm 1839, vua Tây Ban Nha ra lệnh cho chính quyền Luis Lardizabal phải thành lập một Ủy ban để soạn thảo và tổ chức lại hệ thống giáo dục Philippin. Nhưng vì nhiều lý do, mãi cho đến năm 1855, Ủy ban này mới thực sự được thành lập bởi chính phủ Crespo. Chính phủ này yêu cầu Ủy ban mới thành lập phải nghiên cứu nhiều vấn đề thuộc chương trình giảng dạy, việc đào tạo và bổ nhiệm giáo viên và tính khả thi cho việc thành lập một trường đào tạo giáo viên ngay tại Manila. Mặc dù hoạt động của Ủy ban chưa đem lại hiệu quả như mong đợi, nhưng đến năm 1860, ít nhất nó đã hoàn thành phần lý luận cho công cuộc cải cách sắp đến. Đến giữa năm 1860, chính phủ Sanlano đã thành lập một Ủy ban tương tự để đảm trách công việc điều tra tình hình giáo dục ở Philippin, nhằm tiến tới một cuộc cải cách rộng khắp và hiệu quả. Năm 1861, chính phủ Lemery giao nhiệm vụ cho cha xứ dòng Tên nghiên cứu tình hình trên toàn quần đảo và đã có nhiều báo cáo đáng tin cậy trình lên Chính phủ.

Trên thực tế, có nhiều kiến nghị của các cha xứ đã được đưa vào sắc lệnh cuối cùng năm 1863.

2. Nội dung cơ bản của Sắc lệnh Cải cách giáo dục năm 1863

a. Giáo dục sơ cấp đặt dưới sự quản lý và giám sát của Chính phủ

Chính phủ Tây Ban Nha cho thành lập Ủy ban Giáo dục ở Manila, dưới sự quản lý của các giáo sĩ dòng Tên. Cơ quan này có nhiệm vụ soạn thảo các chương trình giảng dạy, sau đó trình lên Chính phủ. Việc giám sát các trường tiểu học trên toàn Philippin được đặt dưới quyền của các linh mục xứ đạo, chức năng của họ mặc nhiên như người giám sát ở địa phương. Nhưng, "thanh tra cao cấp của giáo dục tiểu học do Chính phủ cấp cao Tây Ban Nha đảm trách với sự giúp đỡ của một Ủy ban được thành lập ở thủ đô (Manila), dưới tên gọi "Ủy ban cấp cao của Giáo dục tiểu học". Ủy ban này gồm có Tổng Giám mục, bảy thành viên được bổ nhiệm bởi chính phủ Tây Ban Nha. Người đứng đầu Chính phủ đồng thời cũng là chủ tịch Ủy ban này⁶.

b. Giáo dục tiểu học bắt buộc và tách biệt cho nam sinh và nữ sinh

Luật Giáo dục Tây Ban Nha quy định thành lập hai trường học ở mỗi huyện, một trường dành cho nam và một trường dành cho nữ. Trong trường hợp ở huyện nào không thể tổ chức thành hai trường tách biệt vì lý do không đủ học sinh thì luật cho phép học sinh nam và nữ học chung một trường.

⁵ Eufonio M. Alin sđd, tr. 45

⁶ Eufonio. M. Alip (1964), sđd, tr. 68.

Độ tuổi đi học từ 6 đến 14 tuổi. Lớp học tổ chức hàng ngày, ngoại trừ ngày chủ nhật và những ngày nghỉ. Lớp học buổi sáng bắt đầu từ 7 giờ đến 10 giờ, buổi chiều từ 2 giờ 30 đến 5 giờ. Mỗi tiết học kéo dài 1 giờ (60 phút) và không có lớp học ban đêm.

Chương trình giảng dạy bao gồm: giáo lý Thiên Chúa, đọc, viết tiếng Tây Ban Nha, cách cư xử tao nhã, âm nhạc, số học, địa lý, lịch sử và môn nông nghiệp thực hành. Đối với học sinh nữ, các môn học cũng tương tự như trên, ngoại trừ địa lý, lịch sử và nông nghiệp được thay thế bằng môn học may mặc. Sắc lệnh Giáo dục năm 1863 quy định dạy học bắt buộc đối với giáo dục tiểu học nên cha mẹ nào không cho con em họ đến trường sẽ bị phạt tiền từ 1,5 đến 2 reales. Đồng thời, dạy học được tiến hành miễn phí cho học sinh nghèo, con em của những gia đình có thu nhập thấp, được chứng nhận bởi *gobemadorcillo* và cha phó xứ. Tuy nhiên, những gia đình giàu có cũng chỉ nộp một khoản học phí không đáng kể.

... Ngôn ngữ Tây Ban Nha được chú trọng

Việc giảng dạy bằng tiếng Tây Ban Nha được chú trọng trong các trường học ở Philippin từ cấp tiểu học đến đại học. Luật quy định: Các quan chức không được nhận lương nếu sau 5 năm kể từ khi sắc lệnh ban hành mà họ vẫn không thể nói tiếng Tây Ban Nha; Sẽ bị tước chức vụ nếu sau 15 năm mà họ chưa thể nói, đọc, viết tiếng Tây Ban Nha một cách trôi chảy; Nếu sau 30 năm học tập vẫn không thành thạo tiếng Tây Ban Nha sẽ bị đưa đi lao dịch nặng nhọc.

d. Thành lập Trường Sư phạm đào tạo giáo viên cấp tiểu học

Sắc lệnh đưa ra nhiều quy định áp dụng cho giáo viên cấp tiểu học. Theo sắc lệnh, mục đích tiên quyết của việc thành lập trường sư phạm là “*để phục vụ như một trường dòng tôn giáo biết tuân thủ và đào tạo giáo viên dạy học cho các trường tiểu học trên toàn quần đảo*”⁷. Chương trình giảng dạy mang tính bao quát gồm, giáo lý Thiên Chúa, giáo dục công dân, đạo đức và phương pháp giảng dạy.

Sinh viên được đào tạo tại trường sư phạm chia thành hai loại: sinh viên chính quy và sinh viên không chính quy. Sinh viên chính quy được miễn học phí, được nhận trang bị sinh hoạt, nhưng họ bắt buộc phải thực hiện nghĩa vụ trong 10 năm sau khi tốt nghiệp. Sinh viên không chính quy phải nộp một khoản học phí không đáng kể, 8 peso mỗi tháng cho nhà trường. Họ cũng được tôn trọng ngang hàng với nhóm sinh viên chính quy, ngoại trừ họ không buộc phải giảng dạy sau khi tốt nghiệp nếu họ không muốn. Sau khi hoàn thành khoá học, chính quyền dân sự cao cấp dựa trên yêu cầu của hiệu trưởng nhà trường đề cấp chứng chỉ tốt nghiệp cho sinh viên. Chứng chỉ này được xếp theo trình độ từ trên xuống như “xuất sắc” (Excellen), “giỏi” (Good), “khá” (Fair), hay “được chứng nhận”(approved).

Giáo viên được Chính phủ cấp lương hàng tháng, mỗi tháng dao động từ 12 - 20 peso. Ngoài ra, họ còn có nhà ở miễn phí,

⁷ Eufonio. M. Alip (1964), sdd, tr.69.

được trích từ nguồn kinh phí do học sinh con nhà giàu có đóng góp. Giáo viên được miễn lao dịch.

Như vậy, theo sắc lệnh cải cách hệ thống giáo dục năm 1863, hệ thống giáo dục công lập ở Philippin được hoàn thiện và chia thành 3 cấp: giáo dục bậc cao, giáo dục bậc trung học (*segunda ensenanza*), và giáo dục bậc tiểu học.

III. Một vài nhận xét

1. Với mục đích giáo dục là để đào tạo một tầng lớp người Philippin giúp việc cho bộ máy cai trị của Tây Ban Nha và đảm bảo cho sự thống trị lâu dài của Tây Ban Nha ở Philippin, giáo dục Philippin dưới thời thuộc địa Tây Ban Nha mang tính chất tôn giáo rõ nét, nhất là trong giai đoạn đầu (1571-1863). Xuất phát từ mục đích truyền giáo của Tây Ban Nha, ngay từ khi thiết lập nền cai trị ở Philippin, họ đã đẩy mạnh chính sách giáo dục và thông qua giáo dục để truyền đạo cho người Philippin nên Philippin trở thành quốc gia Thiên Chúa giáo duy nhất ở khu vực Đông Nam Á. Có thể xem đây như là một thành công quan trọng nhất trong chính sách cai trị của Tây Ban Nha ở Philippin.

2. Thông qua Cải cách 1863, bộ máy tổ chức, quản lý giáo dục các cấp do chính phủ Philippin đảm nhiệm đã hình thành và ngày càng hoàn thiện. Tây Ban Nha hướng tới việc xác lập khuôn mẫu giáo dục phương Tây nhưng giới hạn trong khuôn khổ thuộc địa. Bắt đầu từ năm 1863, các trường học ở Philippin được tổ chức theo ba cấp học bao gồm tiểu học, trung học và đại học. Chính phủ Tây Ban Nha đã thay đổi Luật Giáo dục

để hình thành hệ thống giáo dục quản lý tập trung. Cụ thể là có sự thống nhất về các thành tố của hệ thống giáo dục như: chương trình, sách giáo khoa, hệ thống trường lớp... trên khắp cả nước. Đặc biệt, việc thông qua Luật về Giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc, với những quy định về nghĩa vụ giáo dục một cách chi tiết. Nhờ vậy, đến cuối thời kì thống trị của Tây Ban Nha, Philippin có khoảng 2.150 trường học công cộng với tổng cộng trên 200.000 học sinh⁸. Theo một nhà điều tra người Tây Ban Nha thì "số người biết chữ ở Philippin còn cao hơn ở chính Tây Ban Nha"⁹ lúc bấy giờ. Và "đến cuối thế kỉ XIX, Philippin vượt tất cả các nước Đông Nam Á khác về giáo dục, nhất là giáo dục dành cho phụ nữ"¹⁰. Đây cũng là cơ sở để đến năm 1976, Philippin có hơn 648.000 sinh viên theo học ở 600 trường đại học trong toàn quốc, tỷ lệ thoát nạn mù chữ là 83,4%, chỉ đứng sau Nhật Bản ở châu Á.

3. Trong công cuộc cải cách giáo dục Philippin năm 1863, ngoài việc đề cao giáo dục tiểu học, việc đào tạo đội ngũ giáo viên cùng với chế độ lương bổng cho giáo viên là hai chính sách được đặc biệt chú trọng. Đây là chính sách rất tiên bộ, rất sớm mà Tây Ban Nha đã áp dụng ở Philippin so với các nước khác trong khu vực lúc bấy giờ.

⁸ D.G.E Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.1028.

⁹ Nt

¹⁰ Nt